

Name

上	上	上																	
shàng	shàng	shàng																	
下	下	下																	
xià	xià	xià																	
前	前	前																	
qián	qián	qián																	
面	面	面																	
miàn	miàn	miàn																	
后	后	后																	
hòu	hòu	hòu																	
里	里	里																	
lǐ	lǐ	lǐ																	
椅	椅	椅																	
yǐ	yǐ	yǐ																	

Name

电	电	电																	
diàn	diàn	diàn																	
脑	脑	脑																	
nǎo	nǎo	nǎo																	
桌	桌	桌																	
zhuō	zhuō	zhuō																	
视	视	视																	
shì	shì	shì																	
书	书	书																	
shū	shū	shū																	
衣	衣	衣																	
yī	yī	yī																	
服	服	服																	
fú	fú	fú																	

Name

水	水	水																	
shuǐ	shuǐ	shuǐ																	
茶	茶	茶																	
chá	chá	chá																	
杯	杯	杯																	
bēi	bēi	bēi																	
苹	苹	苹																	
píng	píng	píng																	
果	果	果																	
guǒ	guǒ	guǒ																	
米	米	米																	
mǐ	mǐ	mǐ																	
饭	饭	饭																	
fàn	fàn	fàn																	

Name

菜	菜	菜																		
cài	cài	cài																		
不	不	不																		
bù	bù	bù																		
客	客	客																		
kè	kè	kè																		
气	气	气																		
qì	qì	qì																		
谢	谢	谢																		
xiè	xiè	xiè																		
再	再	再																		
zài	zài	zài																		
见	见	见																		
jiàn	jiàn	jiàn																		

Name

对	对	对																	
duì	duì	duì																	
不	不	不																	
bù	bù	bù																	
起	起	起																	
qǐ	qǐ	qǐ																	
没	没	没																	
méi	méi	méi																	
关	关	关																	
guān	guān	guān																	
系	系	系																	
xì	xì	xì																	
请	请	请																	
qǐng	qǐng	qǐng																	